

Số: QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể của dự án “Hỗ trợ nông nghiệp Cacbon thấp – LCASP” giai đoạn 2013-2020 tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Hiệp định vay số 2968-VIE (SF) ngày 07/03/2013 giữa Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) về dự án “Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp”;

Căn cứ Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể dự án “Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp – LCASP” giai đoạn 2013-2018 tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 5260/UBND-KT ngày 04/9/2019 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian hoạt động của dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-BNN-TC ngày 31/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án “Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp” (Nguồn vốn vay ADB).

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 130/TTr-SNN ngày 27/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án “Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp – LCASP” giai đoạn 2013-2020 tỉnh Bình Định như sau:

1. Tên dự án: Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp (tên viết tắt là : LCASP).

2. Cơ quan chủ quản đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Cơ quan chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

4. Thời gian thực hiện: 8 năm (từ năm 2013-2020), trong đó:

- Thời gian thực hiện các hoạt động của dự án đến ngày đóng khoản vay của Hiệp định vay vốn số 2968-VIE (SF): 2013 - đến hết ngày 30/6/2020.

- Thời gian thực hiện các hoạt động hậu dự án: từ ngày 01/7/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

5. Mục tiêu Dự án:

a) Mục tiêu dài hạn:

Góp phần tăng cường ứng dụng công nghệ quản lý toàn diện chất thải nông nghiệp thông qua thúc đẩy sử dụng năng lượng khí sinh học sạch và phân bón hữu cơ. Nâng cao năng lực cho các bên liên quan bằng cách phổ biến kiến thức và kỹ năng về công nghệ quản lý toàn diện chất thải nông nghiệp cho các đối tượng hưởng lợi.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Cải thiện các hoạt động quản lý chất thải chăn nuôi, phế phụ phẩm từ các công trình khí sinh học; giảm thiểu ô nhiễm môi trường; tạo nguồn năng lượng sạch, phân bón hữu cơ sinh học và nguồn thu từ cơ chế phát triển sạch (CDM).

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ quản lý chất thải nông nghiệp đã được chứng minh có hiệu quả; thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo và phân bón hữu cơ vi sinh từ chất thải nông nghiệp; nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ quản lý chất thải nhằm giảm thải khí nhà kính, cải thiện sinh kế và chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

- Nâng cao năng lực cho các bên liên quan và phổ biến kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp tới các bên hưởng lợi.

6. Cơ cấu nguồn vốn và kế hoạch vốn của dự án:

Nội dung	Tổng kinh phí đã phê duyệt theo QĐ số 4106/QĐ-UBND của UBND tỉnh (Triệu VNĐ)	Kế hoạch phê duyệt điều chỉnh (Triệu VNĐ)	Chênh lệch (tăng (+), giảm (-)) (Triệu VNĐ)
A . Nguồn vốn vay ADB	68.022	61.329	- 6.693
1. Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi	49.665	44.860	- 4.805
2. Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ SXNN Các bon thấp	13.632	13.065	- 567
3. Hợp phần 4: Quản lý dự án	4.725	3.404	- 1.321
B. Nguồn vốn đối ứng tỉnh	6.005	5.484	-521
Tổng cộng toàn dự án (A+B)	74.027	66.813	-7.214

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)

7. Cơ chế thực hiện dự án:

a) Loại dự án và tính chất dự án:

- Loại dự án: Dự án hỗn hợp.
- Tính chất dự án: Hành chính sự nghiệp.

b) Cơ chế hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thuộc UBND tỉnh:

Thực hiện theo quy định của “ Sổ tay thực hiện dự án” và các quy định hiện hành khác có liên quan của Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và nhà tài trợ.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BQLDA Các bon thấp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10 (14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TỔNG THỂ DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP
CÁC BON THẤP GIAI ĐOẠN 2013-2020 TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số : /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Nội dung	Kế hoạch tổng thể điều chỉnh đã được phê duyệt theo Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 31/10/2017			Kế hoạch tổng thể phê duyệt điều chỉnh		
		Tổng số (Triệu VNĐ)	trong đó		Tổng số (Triệu VNĐ)	Trong đó	
			ADB	CPVN		ADB	CPVN
	TỔNG CỘNG	74.027	68.022	6.005	66.813	61.329	5.484
I	Hợp phần 1 : Quản lý chất thải chăn nuôi	49.665	49.665	-	44.860,00	44.860,00	
	Tiểu hợp phần 1.1. Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và phát triển thị trường các bon	8.085	8.085	-	7.341,00	7.341,00	
I.1	Hoạt động 1				610,00	610,00	
I.1.1	Tập huấn cho cán bộ khuyến nông, nông dân và các bên liên quan khác về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi	633	633	-	610,00	610,00	
I.2	Hoạt động 2	-	-	-	6.731,00	6.731,00	
I.2.1	Thông tin, tuyên truyền về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi (Hội thảo tập huấn phổ biến thể chế chính sách, lợi ích công trình KSH..., xây dựng chương trình phát trên phương tiện thông tin đại chúng, in đĩa và in trên các sản phẩm tuyên truyền, viết tin, tờ rơi, áp phích,...)	1.722	1.722	-	1.722,00	1.722,00	
I.2.2	Hội thảo lựa chọn tiêu chí và các hộ chăn nuôi tiềm năng sẽ xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, vừa và lớn.	34	34	-	48,00	48,00	
I.2.3	Tập huấn vận hành công trình khí sinh học, đảm bảo môi trường trong chăn nuôi.	5.696	5.696	-	4.961,00	4.961,00	
	Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ phát triển các công trình khí sinh học	41.580	41.580	-	37.519,00	37.519,00	
I.7	Hoạt động 7				3.944,00	3.944,00	
I.7.1	Chi phí cho kỹ thuật viên, kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ nông dân xây/lắp đặt công trình khí sinh học (Khảo sát, thiết kế, giám sát chất lượng, nghiệm thu công trình, hướng dẫn vận hành công trình khí sinh học)	3.727	3.727	-	3.381,00	3.381,00	
I.7.2	Kiểm tra, giám sát công trình khí sinh học đang vận hành nhằm đảm bảo về môi trường (Chi phí công tác phí...) và điều tra thu thập cơ sở dữ liệu	715	715	-	563,00	563,00	
I.8	Hoạt động 8				262,00	262,00	
I.8.1	Tập huấn thợ xây/lắp đặt, Kỹ thuật viên.	269	269	-	262,00	262,00	
I.9	Hoạt động 9				33.313,00	33.313,00	
I.9.1	Hỗ trợ tài chính trực tiếp xây các công trình khí sinh học và cải thiện môi trường chăn nuôi (công trình nhỏ mỗi công trình 3 triệu VNĐ, công trình cỡ vừa mỗi công trình 10 triệu VNĐ, công trình cỡ lớn mỗi công trình 20 triệu VNĐ)	36.869	36.869	-	33.313,00	33.313,00	
III	Hợp phần 3. Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp	13.632	13.632	-	12.012,00	13.065,00	

Số TT	Nội dung	Kế hoạch tổng thể điều chỉnh đã được phê duyệt theo Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 31/10/2017			Kế hoạch tổng thể phê duyệt điều chỉnh		
		Tổng số (Triệu VNĐ)	trong đó		Tổng số (Triệu VNĐ)	Trong đó	
			ADB	CPVN		ADB	CPVN
	Tiểu hợp phần 3.1. Thúc đẩy ứng dụng nông nghiệp các bon thấp	545	545	-	531,00	531,00	
III.2	Hoạt động 2				124,00	124,00	
III.2.1	Thông tin, tuyên truyền về sản xuất NN các bon thấp (Xây dựng chương trình phát trên phương tiện thông tin đại chúng, in đĩa in đĩa và in trên các sản phẩm tuyên truyền, viết tin, tờ rơi,...)	223	223	-	124,00	124,00	
III.3	Hoạt động 3				407,00	407,00	
3.1	Tổ chức các chuyến thăm quan trong nước học tập trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về công nghệ khí sinh học, quản lý chất thải chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp các bon thấp	322	322	-	407,00	407,00	
	Tiểu hợp phần 3.2. Xây dựng các mô hình nông nghiệp các bon thấp	13.087	13.087	-	11.481,00	12.534,00	
III.6	Hoạt động 6				11.481,00	11.481,00	
6.1	Hội thảo xác định nhu cầu xây dựng, lựa chọn mô hình trình diễn và giới thiệu công nghệ đã được nghiên cứu thành công cho nông dân và cán bộ tỉnh	12	12	-	13,00	13,00	
6.2	Kinh phí thực hiện mô hình trình diễn và mô hình thí điểm	12.000	12.000	-	11.468,00	11.468,00	
III.7	Hoạt động 7				0,00	1.053,00	
III.7.1	Tập huấn cho nông dân và cán bộ khuyến nông về sản xuất nông nghiệp các bon thấp	1.075	1.075	-	0,00	1.053,00	
IV	Hợp phần 4. Quản lý dự án	10.730	4.725	6.005	8.888,00	3.404,00	5.484,00
1	Chi lương và phụ cấp cho Ban quản lý dự án tỉnh	5.850	-	5.850	4.817,00		4.817,00
2	Chi phí hoạt động cho Ban quản lý dự án tỉnh	4.725	4.625	100	4.071,00	3.404,00	667,00
3	Dự phòng	155	100	55		0,00	0